

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 50

10/01/2011
C
I
/2/11

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai
THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 5901046432, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 12 tháng 10 năm 2016, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp và hai (2) công ty con gián tiếp.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mơ	Chủ tịch
Ông Thủy Ngọc Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Liễu	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc	
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
No.2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13874542-69139398/2024-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập vào ngày 31 tháng 7 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 2.6* của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 584.120.524 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong *Thuyết minh số 2.6* cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.626.533.400	3.190.808.337
110	I. Tiền	4	132.158.684	10.419.898
111	1. Tiền		132.158.684	10.419.898
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.279.919.688	3.034.331.225
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	826.367.040	678.233.995
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	855.813.477	629.704.979
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.502.728.120	1.583.613.967
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	215.047.180	164.074.735
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(120.036.129)	(21.296.451)
140	III. Hàng tồn kho	9	165.933.603	133.235.430
141	1. Hàng tồn kho		165.933.603	133.235.430
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		48.521.425	12.821.784
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	27.015.689	3.293.003
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	21.501.355	9.524.400
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	4.381	4.381
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.987.662.046	2.825.771.642
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		627.375.227	261.832.314
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	627.375.227	261.832.314
220	II. Tài sản cố định		1.627.204.862	1.044.366.064
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.571.847.111	985.018.154
222	Nguyên giá		1.935.801.027	1.259.228.241
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(363.953.916)	(274.210.087)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	55.357.751	59.347.910
228	Nguyên giá		68.369.267	68.369.267
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.011.516)	(9.021.357)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.226.858.493	1.107.905.756
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.226.858.493	1.107.905.756
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		315.241.000	315.241.000
253	1. Đầu tư vào đơn vị khác	13	316.391.000	316.391.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13	(1.150.000)	(1.150.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		190.982.464	96.426.508
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	190.982.464	96.426.508
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.614.195.446	6.016.579.979

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.193.857.583	4.503.727.756
310	I. Nợ ngắn hạn		4.210.653.924	4.096.453.093
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	817.021.048	900.058.286
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	370.454.566	338.270.016
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	391.575	177.551
314	4. Phải trả người lao động		11.444.319	11.618.507
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	150.666.889	215.311.303
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	740.092.221	741.899.150
320	7. Vay ngắn hạn	20	2.120.583.306	1.889.118.280
330	II. Nợ dài hạn		983.203.659	407.274.663
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	37.593.807	88.192
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	160.178.087	222.259.020
338	3. Vay dài hạn	20	785.431.765	184.927.451
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.420.337.863	1.512.852.223
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.420.337.863	1.512.852.223
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	1.285.000.000	1.285.000.000
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.1	(661.678.160)	(718.512.767)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	1.797.016.023	946.364.990
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		946.364.990	244.043.142
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		850.651.033	702.321.848
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.614.195.446	6.016.579.979



Trần Bửu Kiều
Người lập



Nguyễn Đình Tinh
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2025

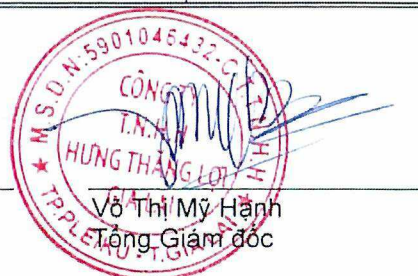
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	4.101.871.728	2.928.691.479
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(58.663.962)	(33.566.931)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	4.043.207.766	2.895.124.548
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(2.560.743.215)	(2.008.990.910)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.482.464.551	886.133.638
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	169.081.795	101.854.814
22	7. Chi phí tài chính	24	(275.974.662)	(364.086.439)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(198.363.830)	(162.963.237)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(378.850.945)	(219.366.452)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(128.154.247)	39.245.474
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		868.566.492	443.781.035
31	11. Thu nhập khác	26	8.058.300	279.148.436
32	12. Chi phí khác	26	(25.088.950)	(20.607.623)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	26	(17.030.650)	258.540.813
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		851.535.842	702.321.848
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(884.809)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		850.651.033	702.321.848


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		851.535.842	702.321.848
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	85.612.083	103.212.278
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		98.739.678	(62.940.047)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		56.834.607	(97.881.446)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(156.855.669)	(90.004.003)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	24	198.363.830	162.963.237
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.134.230.371	717.671.867
09	Tăng các khoản phải thu		(636.419.582)	(277.033.265)
10	Tăng hàng tồn kho		(32.698.173)	(8.214.468)
11	Giảm các khoản phải trả		(320.637.796)	(308.215.477)
12	Tăng chi phí trả trước		(118.278.642)	(1.130.825)
14	Tiền lãi vay đã trả		(268.630.188)	(116.551.548)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(884.809)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(243.318.819)	6.526.284
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(428.940.578)	(162.634.231)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		13.421.298	30.105.089
23	Tiền chi cho vay		(121.356.980)	(663.870.290)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.623.047	41.980.000
27	Tiền thu lãi cho vay		17.888.595	6.010.619
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(517.364.618)	(748.408.813)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	5.392.583.015	2.364.355.042
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(4.510.160.792)	(1.634.202.085)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		882.422.223	730.152.957
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		121.738.786	(11.729.572)
60	Tiền đầu năm		10.419.898	22.149.470
70	Tiền cuối năm	4	132.158.684	10.419.898



Trần Bửu Kiều
Người lập



Nguyễn Đình Tinh
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 12 tháng 10 năm 2016, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp và hai (2) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(3) Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trồng và kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 362 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 366).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập chỉ nhằm cho mục đích sử dụng cho việc chào bán và phát hành trái phiếu riêng lẻ của Doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật và không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác hoặc phát hành cho các bên khác.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc giai đoạn báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 584.120.524 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty cũng chưa thanh toán khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay quá hạn như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo. Kế hoạch này kỳ vọng dòng tiền sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai, việc thu hồi các khoản cho vay các đối tác, nguồn thu từ phát hành trái phiếu riêng lẻ, và các khoản vay mới từ các ngân hàng thương mại theo các thỏa thuận tín dụng hiện hành. Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay để thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ hiện tại. Theo đó, Nhóm Công ty kỳ vọng có thể tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc Nhóm Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện trong trường hợp Nhóm Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây ăn quả	20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 **Khấu hao và hao mòn** (tiếp theo)

Vườn cây ăn quả

Ban Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác là 20 năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây sầu riêng được thực hiện dựa trên Quyết định số 109/QĐ-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây sầu riêng theo chu kỳ khai thác là 20 năm.

Ngoài ra, từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, Ban Giám đốc đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình. Ảnh hưởng do sự thay đổi này được trình bày tại *Thuyết minh số 10*.

3.7 **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Nhóm Công ty mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

3.8 **Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Nhóm Công ty mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp được ghi nhận vào ngày góp vốn theo số tiền thực tế đã góp trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (nông nghiệp, thương mại và dịch vụ). Ban Giám đốc xác định bộ phận dựa theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.494.933	2.029.218
Tiền gửi ngân hàng	128.024.557	8.390.680
Tiền đang chuyển	639.194	-
TỔNG CỘNG	132.158.684	10.419.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 28)	408.126.036	457.922.097
Phải thu các bên thứ ba	418.241.004	220.311.898
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu OUDOMSIN	109.827.779	29.039.539
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu MAHASIN	64.612.157	33.145.381
- Công Ty TNHH MTV Nuôi Trồng và Thủy Sản Saysettha	53.490.732	-
- Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	-	33.275.163
- Đối tượng khác	190.310.336	124.851.815
TỔNG CỘNG	826.367.040	678.233.995
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(48.345.499)	(11.596.753)
GIÁ TRỊ THUẦN	778.021.541	666.637.242

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Số đầu năm	11.596.753	84.236.498
Cộng: Dự phòng lập trong năm	48.345.499	11.596.753
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.596.753)	(84.236.498)
Số cuối năm	48.345.499	11.596.753

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Trả trước các bên liên quan (TM số 28)	827.854.620	622.404.205
Trả trước các bên thứ ba	27.958.857	7.300.774
- Ông Nguyễn Đức Thành	9.689.273	-
- Ông Nguyễn Hữu Thuận	5.129.198	-
- Khác	13.140.386	7.300.774
TỔNG CỘNG	855.813.477	629.704.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 28) (i)	1.496.097.482	1.508.729.430
Cho vay ngắn hạn các bên thứ ba (ii)	6.630.638	74.884.537
- Ông Nguyễn Kim Luân	6.616.437	74.792.790
- Khác	14.201	91.747
TỔNG CỘNG	1.502.728.120	1.583.613.967

- (i) Đây là các khoản cho vay có tài sản đảm bảo cho các bên liên quan với thời hạn hoàn trả trong năm 2025 và hưởng lãi suất 7,68% - 9,3%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay có tài sản đảm bảo cho các bên thứ ba với thời hạn hoàn trả trong năm 2025 và hưởng lãi suất 7,95% - 12%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	177.526.199	118.981.735
Chi hộ	24.583.093	37.152.181
Tạm ứng cho nhân viên	10.763.557	6.992.106
Các khoản khác	2.174.331	948.713
TỔNG CỘNG	215.047.180	164.074.735
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(71.690.630)	(9.699.698)
GIÁ TRỊ THUẦN	143.356.550	154.375.037
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (TM số 28)	178.985.991	141.382.526
Phải thu các bên thứ ba	36.061.189	22.692.209
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HTKD") (*)	501.796.241	142.590.809
Chi hộ	94.029.723	119.241.505
Phải thu lãi cho vay	31.549.263	-
TỔNG CỘNG	627.375.227	261.832.314
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (TM số 28)	125.578.986	119.241.505
Phải thu các bên thứ ba	501.796.241	142.590.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là các khoản phải thu theo các Hợp đồng HTKD với các công ty đối tác như sau:

- Hợp đồng HTKD số 01/2023 ĐT-SSH ngày 1 tháng 8 năm 2023 với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang nhằm mục đích phát triển trồng trọt và kinh doanh sinh lợi. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2028. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
- Hợp đồng HTKD số 01/08/23KX-SNX ngày 1 tháng 8 năm 2023 với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nông lâm nghiệp Sanamxay nhằm mục đích phát triển chăn nuôi, trồng trọt và kinh doanh sinh lợi. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2028. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	69.322.513	80.519.021
Hàng hóa	48.717.110	28.482.006
Nguyên vật liệu	44.381.381	19.000.432
Công cụ, dụng cụ	1.797.589	410.659
Thành phẩm	1.578.210	4.823.312
Hàng ký gửi	136.800	-
TỔNG CỘNG	165.933.603	133.235.430

- (i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây ăn quả	Ngàn VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	525.539.289	37.656.411	110.612.567	71.833	585.348.141	1.259.228.241
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	225.229.002	1.139.652	8.223.028	-	377.461.065	612.052.747
Mua mới trong năm	-	1.704.401	1.490.786	36.000	-	3.231.187
Xóa sổ và thanh lý tài sản	(461.485)	(877.060)	(88.000)	-	(5.730.844)	(7.157.389)
Chênh lệch tỷ giá	33.041.947	431.331	5.418.996	-	29.553.967	68.446.241
Số cuối năm	783.348.753	40.054.735	125.657.377	107.833	986.632.329	1.935.801.027
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(142.388.067)	(7.577.430)	(25.811.437)	(44.541)	(98.388.612)	(274.210.087)
Khấu hao trong năm	(34.659.123)	(3.693.362)	(7.683.617)	(21.869)	(35.563.953)	(81.621.924)
Xóa sổ và thanh lý tài sản	109.932	255.857	33.733	-	-	399.522
Chênh lệch tỷ giá	(7.733.009)	(126.021)	(1.492.231)	-	829.834	(8.521.427)
Số cuối năm	(184.670.267)	(11.140.956)	(34.953.552)	(66.410)	(133.122.731)	(363.953.916)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	383.151.222	30.078.981	84.801.130	27.292	486.959.529	985.018.154
Số cuối năm (*)	598.678.486	28.913.779	90.703.825	41.423	853.509.598	1.571.847.111

(*) Một phần tài sản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 20).

Như trình bày tại *Thuyết minh* số 3.6, từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, Ban Giám đốc đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng và khai thác của các tài sản này, trên cơ sở xác định thời gian sử dụng hữu ích còn lại của các tài sản. Việc thay đổi này làm giảm chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.876.800 ngàn VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND
Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:	
Số đầu năm và cuối năm	68.369.267
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(9.021.357)
Hao mòn trong năm	(3.990.159)
Số cuối năm	(13.011.516)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	59.347.910
Số cuối năm	55.357.751

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Ngàn VND
Số cuối năm Số đầu năm

Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	1.141.984.495	1.071.647.904
Dự án chăn nuôi	45.810.870	30.487.900
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	6.091.408	1.468.622
Khác	32.971.720	4.301.330
TỔNG CỘNG	1.226.858.493	1.107.905.756

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 20).

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang")	Nông nghiệp	4,32	226.480.000	4,32	226.480.000
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Nông nghiệp	2,26	88.761.000	2,26	88.761.000
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Kinh doanh và dịch vụ	1,00	1.150.000	1,00	1.150.000
TỔNG CỘNG			316.391.000		316.391.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(1.150.000)		(1.150.000)
GIÁ TRỊ THUẦN			315.241.000		315.241.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	27.015.689	3.293.003
Công cụ, dụng cụ	14.222.734	1.448.949
Chi phí cải tạo vườn cây ăn quả	6.929.279	127.476
Chi phí khác	5.863.676	1.716.578
Dài hạn	190.982.464	96.426.508
Chi phí khai hoang	186.417.414	90.982.529
Công cụ, dụng cụ	2.873.178	3.929.625
Chi phí khác	1.691.872	1.514.354
TỔNG CỘNG	217.998.153	99.719.511

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	774.403.737	774.403.737	861.068.962	861.068.962
Trong đó:				
- Công ty Cổ phần Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	483.792.111	483.792.111	577.109.903	577.109.903
- Công ty Cổ phần IAPACCO	86.450.739	86.450.739	101.495.720	101.495.720
- Phải trả đối tượng khác	204.160.887	204.160.887	182.463.339	182.463.339
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)	42.617.311	42.617.311	38.989.324	38.989.324
TỔNG CỘNG	817.021.048	817.021.048	900.058.286	900.058.286

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 28)	340.851.112	245.459.600
Các bên thứ ba trả tiền trước	29.603.454	92.810.416
- Công ty TNHH Fruitsco	23.484.412	65.869.922
- Công ty Cổ phần giấy Đức Phú	-	11.219.495
- Khác	6.119.042	15.720.999
TỔNG CỘNG	370.454.566	338.270.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.524.400	110.276.265	(98.299.310)	21.501.355
Thuế khác	4.381	1.503.611	(1.503.611)	4.381
TỔNG CỘNG	9.528.781	111.779.876	(99.802.921)	21.505.736
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	80.219.222	(80.219.222)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.845.367	(3.845.367)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	884.809	(884.809)	-
Thuế thu nhập cá nhân	177.551	1.460.846	(1.351.835)	286.562
Thuế khác	-	108.013	(3.000)	105.013
TỔNG CỘNG	177.551	86.518.257	(86.304.233)	391.575

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	150.666.889	215.311.303
Chi phí lãi vay	148.166.420	215.311.303
Chi phí khác	2.500.469	-
Dài hạn	37.593.807	88.192
Chi phí lãi vay	37.593.807	88.192
TỔNG CỘNG	188.260.696	215.399.495
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>70.746.010</i>	<i>153.094.933</i>
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>117.514.686</i>	<i>62.304.562</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	740.092.221	741.899.150
Thu hộ	738.592.651	726.552.140
Các khoản phải trả khác	1.499.570	15.347.010
Dài hạn	160.178.087	222.259.020
Phải trả tiền mượn từ cá nhân	160.178.087	222.259.020
TỔNG CỘNG	900.270.308	964.158.170
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (TM số 28)	730.406.505	717.215.945
Phải trả các bên thứ ba	169.863.803	246.942.225

20. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.120.583.306	1.889.118.280
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 20.1)	1.766.837.380	1.487.387.675
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.3)	342.745.926	350.598.155
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 20.4)	-	51.132.450
Vay ngắn hạn khác (TM số 20.2)	11.000.000	-
Dài hạn	785.431.765	184.927.451
Vay dài hạn từ bên liên quan (TM số 20.4)	756.484.050	30.420.684
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 20.3)	15.462.281	41.914.603
Vay dài hạn từ khác (TM số 20.5)	13.485.434	112.592.164
TỔNG CỘNG	2.906.015.071	2.074.045.731

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	1.889.118.280	184.927.451	2.074.045.731
Vay mới trong năm	4.574.935.015	817.648.000	5.392.583.015
Phân loại lại	(22.545.292)	22.545.292	-
Chênh lệch tỷ giá	49.783.129	4.371.886	54.155.015
Cần trừ công nợ	-	(104.607.898)	(104.607.898)
Trả gốc vay trong năm	<u>(4.370.707.826)</u>	<u>(139.452.966)</u>	<u>(4.510.160.792)</u>
Số cuối năm	2.120.583.306	785.431.765	2.906.015.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	999.928.130	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	459.557.000	336.200.000
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak	167.353.249	51.187.941
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	139.999.001	499.999.734
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	600.000.000
TỔNG CỘNG	1.766.837.380	1.487.387.675

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk				
Khoản vay 1	999.928.130	Từ ngày 22 tháng 5 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	8,75	127.300.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyễn Đức; 345.032.600 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") - Công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
---------------	-----------------------	--	---------------------

Tài sản thế chấp

Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Khoản vay 1	459.557.000	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2025 đến ngày 3 tháng 6 năm 2025	7,70 - 9,95
-------------	-------------	--	-------------

45.000.000 cổ phần Lơ Pang thuộc sở hữu của HAG;
13.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức;

Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có GCNQSDĐ số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai;

Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCN số BY 440735 và công trình nông nghiệp theo GCN số DD 782896, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai;

Tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép sử dụng đất nhà nước ("GPSĐNN") số 889/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;

Thư bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức ngày 13/07/2023;

Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất theo GCN: BY 440736; BY 440744; BY 440735;

Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐNN số 104/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu;

Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440736, BY 440744 và công trình nông nghiệp theo GCNQSDĐ số DD 782897, DD 782898 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai;

4.750.000 cổ phần Lơ Pang thuộc sở hữu của Công ty;

Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán hàng, phụ lục hợp đồng bán hàng (HDTCTC 10/2022/HDBD/TTDTMB);

Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐNN số 483/STNMT và 0097/TNMT.

Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	139.999.001	Từ ngày 11 tháng 3 năm 2025 đến ngày 22 tháng 5 năm 2025	8,5	28.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak				
Khoản vay 1	118.579.496	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	LAK: 10,00 USD: 8,00	GPSPĐNN diện tích 6,83ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số A 738-638 Bản Hạt san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; GPSPĐNN diện tích 48,52ha, Thửa số 08, Tờ bản đồ số A-730-634 Bản Hạt san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; Quyền thuê đất, quyền khai thác và tài sản trên đất bao gồm tài sản đã hình thành và hình thành trong tương lai tại lô đất diện tích 150ha theo Sổ đăng ký số 1, tờ số 1, GCNQSDĐ số 02, tờ bản đồ số A730-630, Bảng Keangnhai, huyện Saysetha, tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.
Khoản vay 2	48.773.753	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2025	10,00	
TỔNG CỘNG	167.353.249			

20.2 Vay ngắn hạn khác

Chi tiết của khoản vay ngắn hạn khác như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH MTV Bao Bì Linh Khang				
Khoản vay 1	11.000.000	Ngày 18 tháng 12 năm 2025	8,3	Tin chấp
			30	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Vay dài hạn ngân hàng

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngân VND
		Số đầu năm
Ngân hàng liên doanh Lào-Việt - Chi nhánh Attapeu	311.819.819	279.030.094
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak	46.388.388	65.482.664
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	48.000.000
TỔNG CỘNG	358.208.207	392.512.758
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	342.745.926	350.598.155
Vay dài hạn	15.462.281	41.914.603

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Nhóm Công ty.

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay 1 (*)	311.819.819	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2023	8,5	2 lô đất tại xã Honglay, huyện Laman, tỉnh Sekong, Lào do ông Channousit làm chủ; Tòa nhà văn phòng Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại xã NongYoi, tỉnh Paksong, tỉnh Champasak, Lào; Quyền sử dụng và khai thác đất 939 ha vườn cây ăn trái của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	311.819.819
Vay dài hạn	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản gốc và lãi vay quá hạn với giá trị lần lượt là 311.819.819 ngàn VND và 103.546.527 ngàn VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi và gốc vay đã quá hạn nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
---------------	-----------------------	--	---------------------	------------------

Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak

Khoản vay 1	46.388.388	Từ ngày 25 tháng 06 năm 2025 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,50 USD: 9,05	Các quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, bao gồm: Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bia đồ đất 118,2ha và bia đồ đất 3,5ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bia đồ đất 6,7ha và bia đồ đất 50,3ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bia đồ đất 60,0ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bia đồ đất 3,9ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bia đồ đất 2,4ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bia đồ đất 6,7ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 07 A 660-668 (bia đồ đất 3,5ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào.
-------------	------------	--	-------------------------	---

Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	30.926.107
Vay dài hạn	15.462.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Vay dài hạn bên liên quan

Đây là các khoản vay dài hạn từ bên liên quan nhằm bổ sung vốn lưu động của Nhóm công ty với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
HAG	751.484.050	Ngày 24 tháng 4 năm 2029	7,675	Tín chấp
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	5.000.000	Từ ngày 17 tháng 4 2026 đến ngày 17 tháng 11 năm 2026	5,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	756.484.050			

20.5 Vay dài hạn từ các công ty

Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Tổng hợp PC	13.485.434	Ngày 12 tháng 4 năm 2026	7,95	Tín chấp



Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
				Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	785.000.000	(620.631.321)	244.043.142	408.411.821
Tăng vốn trong năm	500.000.000	-	-	500.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	702.321.848	702.321.848
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(97.881.446)	-	(97.881.446)
Số cuối năm	1.285.000.000	(718.512.767)	946.364.990	1.512.852.223
Năm nay				
Số đầu năm	1.285.000.000	(718.512.767)	946.364.990	1.512.852.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	850.651.033	850.651.033
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	56.834.607	-	56.834.607
Số cuối năm	1.285.000.000	(661.678.160)	1.797.016.023	2.420.337.863



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo GCNĐKDN		Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Vốn điều lệ đã đăng ký	% sở hữu	Vốn điều lệ đã góp
	Ngàn VND		Ngàn VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.269.300.000	98,78	1.269.300.000
Ông Thủy Ngọc Dũng	7.850.000	0,61	7.850.000
Bà Lê Thị Liễu	7.850.000	0,61	7.850.000
TỔNG CỘNG	1.285.000.000	100	1.285.000.000

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	4.101.871.728	2.928.691.479
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.754.443.041	1.756.448.175
Doanh thu bán hàng hóa	1.192.699.218	1.138.651.170
Doanh thu khác	154.729.469	33.592.134
Khoản giảm trừ	(58.663.962)	(33.566.931)
Giảm giá hàng bán	(58.663.962)	(33.566.931)
Doanh thu thuần	4.043.207.766	2.895.124.548
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.695.779.079	1.722.881.244
Doanh thu bán hàng hóa	1.192.699.218	1.138.651.170
Doanh thu khác	154.729.469	33.592.134
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan	1.020.499.871	1.031.186.796
Doanh thu đối với bên thứ ba	3.022.707.895	1.863.937.752

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi cho vay	167.908.212	101.513.865
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.108.608	330.319
Lãi tiền gửi	64.975	10.630
TỔNG CỘNG	169.081.795	101.854.814
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan	163.401.916	87.774.040
Doanh thu đối với bên thứ ba	5.679.879	14.080.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn trái cây	1.301.754.720	872.508.691
Giá vốn hàng hóa	1.113.141.756	1.102.079.396
Giá vốn khác	145.846.739	34.402.823
TỔNG CỘNG	2.560.743.215	2.008.990.910

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	198.363.830	162.963.237
Chi phí lãi phạt chậm thanh toán	-	4.753.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	77.610.832	196.369.477
TỔNG CỘNG	275.974.662	364.086.439
Trong đó:		
Chi phí đối với bên liên quan	42.148.955	44.848.631
Chi phí đối với bên thứ ba	233.825.707	319.237.808

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí bán hàng	378.850.945	219.366.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.348.881	132.591.874
Chi phí vận chuyển	142.346.003	73.847.221
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.371.699	4.633.604
Chi phí nhân viên	7.006.205	5.587.319
Chi phí khác	4.778.157	2.706.434
Chi phí quản lý doanh nghiệp	128.154.247	(39.245.474)
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	98.739.678	(62.940.047)
Chi phí lương nhân viên	14.577.477	13.706.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.070.723	4.122.874
Chi phí khấu hao	2.005.436	940.752
Chi phí khác	4.760.933	4.924.064
TỔNG CỘNG	507.005.192	180.120.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	8.058.300	279.148.436
Hàng khuyến mãi được tặng	1.956.387	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	275.788.626
Các khoản khác	6.101.913	3.359.810
Chi phí khác	25.088.950	20.607.623
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	6.628.791	3.106.386
Các khoản phạt	3.299.839	116.235
Lỗ thanh lý tài sản	248.839	12.408.998
Các khoản khác	14.911.481	4.976.004
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(17.030.650)	258.540.813

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2023: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKDN, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	884.809	-
TỔNG CỘNG	884.809	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	851.535.842	702.321.848
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):</i>		
Chi phí không được trừ	12.131.668	10.708.340
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(947.810.052)	(436.335.825)
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	(275.788.626)
Điều chỉnh khác	-	(905.737)
Sử dụng khoản lỗ thuế được kết chuyển	84.142.542	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	884.809	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	884.809	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(884.809)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Công ty mẹ
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Nguyên vật liệu")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Cơ khí")	Chi nhánh của công ty mẹ
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai ("Khách sạn HAGL")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Chế biến Hoa quả")	Chi nhánh của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Gia súc Lơ Pang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì ("Bột mì")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá ("Trà Bá")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bapi Hoàng Anh Gia Lai ("Bapi HAGL")	Công ty có cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Đông Gia Lai ("Đông Gia Lai")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa	675.336.129	127.557.562
	Mua hàng hóa	116.300.487	29.798.078
	Lãi cho vay	32.051.055	7.877.957
	Cung cấp dịch vụ	1.174.329	2.371.758
	Cho vay	-	600.000.000
HAG	Đi vay	700.000.000	-
	Chi phí lãi vay	41.916.737	44.591.247
	Tăng gốc vay do cần trừ	36.307.300	-
	Thu hộ	20.000.000	15.000.000
	Bán hàng hóa	1.055.116	1.513.614
	Được chi hộ	896.837	959.239
	Cung cấp dịch vụ	178.025	808.170
	Mua dịch vụ	87.625	21.767
	Góp vốn bằng khoản vay	-	500.000.000
	Chi hộ	-	4.000.000
Gia súc Lơ Pang	Mua hàng hóa	461.565.275	357.332.634
	Bán hàng hóa	76.816.006	41.310.457
	Cung cấp dịch vụ	812.379	1.083.350
	Mua nguyên vật liệu	95.365	1.058.746
Lê Me	Tăng khoản cho vay do cần trừ	151.340.084	440.000.000
	Cho vay	109.731.616	21.604.450
	Lãi cho vay	54.438.516	58.609.336
Bột mì	Bán hàng hóa	127.981.724	51.399.750
	Tăng khoản cho vay do cần trừ	47.998.068	-
	Mua hàng hóa	43.955.679	14.113.053
	Cung cấp dịch vụ	5.579.388	3.038.795
	Lãi cho vay	1.554.283	-
Trà Bá	Thu hộ	150.700.000	-
	Mua hàng hóa	51.076.568	-
	Bán hàng hóa	18.941.594	11.434.780
	Cung cấp dịch vụ	-	143.351
Đồng Gia Lai	Bán hàng hóa	100.656.926	782.540.593
	Lãi cho vay	61.493.354	577.468
	Mua hàng hóa	934.934	42.159.726
	Cung cấp dịch vụ	-	2.836.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	40.683.970	-
	Lãi cho vay	12.796.110	19.947.890
	Cho vay	-	22.583.898
Hoàn Thịnh	Hợp tác đầu tư kinh doanh	27.533.280	6.222.849
Thế thao LPBank HAGL	Đi vay	17.500.000	19.500.000
	Chi hộ	600.000	-
	Chi phí lãi vay	233.471	169.192
	Cho vay	228.832	-
	Bán hàng hóa	6.328	4.821
	Lãi cho vay	577	-
Chi nhánh Cơ khí	Bán hàng hóa	11.105.407	2.162.881
	Mua hàng hóa	922.530	8.869.720
	Mua dịch vụ	378.053	59.154
	Cung cấp dịch vụ	16.520	21.475
Bapi HAGL	Tăng khoản cho vay do cần trừ	9.410.880	32.891.061
	Lãi cho vay	1.068.021	761.389
	Bán hàng hóa	-	5.590
	Cung cấp dịch vụ	840.000	2.953.311
Khách sạn HAGL	Chi phí lãi vay	250.685	88.192
	Vay	-	10.000.000
Bệnh viện HAGL	Thu hộ	-	20.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
Bột mì	Bán hàng hóa	211.670.877	112.081.954
Đồng Gia Lai	Bán hàng hóa	194.572.922	297.396.875
HAG	Bán hàng hóa	1.882.237	2.565.473
Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	42.595.511
Bapi HAGL	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	3.178.144
Thẻ thao LPBank HAGL	Bán hàng hóa	-	104.140
		408.126.036	457.922.097
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)			
Trà Bá	Ứng trước mua hàng hóa	434.933.471	7.695.900
Lơ Pang	Ứng trước mua hàng hóa	372.612.559	67.615.099
Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	15.421.399	-
Chi nhánh Cơ khí	Ứng trước mua hàng hóa	4.887.191	-
Đồng Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa	-	530.794.777
Bột mì	Ứng trước mua hàng hóa	-	16.298.429
		827.854.620	622.404.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Lê Me	Cho vay	871.820.150	610.748.450
Đồng Gia Lai	Cho vay	509.991.200	5.865.308
Chăn nuôi Gia Lai	Cho vay	61.650.000	661.650.000
Bột mì	Cho vay	52.407.300	-
Thể thao LPBank HAGL	Cho vay	228.832	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Cho vay	-	214.074.611
Bapi HAGL	Cho vay	-	16.391.061
		1.496.097.482	1.508.729.430
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Lê Me	Lãi cho vay	140.351.458	85.912.942
Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	36.593.958	27.042.352
Bột mì	Chi hộ	1.587.212	-
Đồng Gia Lai	Lãi cho vay	452.786	4.693.348
Thể thao LPBank HAGL	Chi hộ	577	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Chi hộ	-	22.972.495
Bapi HAGL	Lãi cho vay	-	761.389
		178.985.991	141.382.526
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Hoàn Thịnh	Phải thu từ hợp đồng HTKD	94.029.723	119.241.505
Đồng Gia Lai	Lãi cho vay	31.549.263	-
		125.578.986	119.241.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngân VND Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 15)			
Gia súc Lơ Pang	Mua hàng hóa	38.844.634	34.764.902
Chăn nuôi Gia Lai	Mua hàng hóa	2.826.045	-
HAG	Mua hàng hóa	540.741	402.277
Chi nhánh Cơ khí	Mua hàng hóa	405.891	2.683.507
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	-	1.078.820
Bapi HAGL	Mua hàng hóa	-	59.818
		42.617.311	38.989.324
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 16)			
Chăn nuôi Gia Lai	Tạm ứng mua hàng hóa	161.577.507	18.378.756
HAG	Tạm ứng mua hàng hóa	151.428.176	143.793.142
Chi nhánh Cơ khí	Tạm ứng mua hàng hóa	22.579.664	24.675.820
Bột mì	Tạm ứng mua hàng hóa	5.265.765	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Tạm ứng mua hàng hóa	-	58.611.882
		340.851.112	245.459.600
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 18)			
HAG	Chi phí lãi vay	33.152.202	152.837.549
Thẻ thao LPBank HAGL	Chi phí lãi vay	-	169.192
		33.152.202	153.006.741
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 19)			
HAG	Thu hộ	729.289.540	716.150.257
	Khác	999.617	959.680
Chi nhánh Cơ khí	Khác	106.008	106.008
Gia súc Lơ Pang	Khác	11.340	-
		730.406.505	717.215.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả dài hạn (Thuyết minh số 18)			
HAG	Chi phí lãi vay	37.254.931	-
Khách sạn HAGL	Chi phí lãi vay	<u>338.877</u>	<u>88.192</u>
		<u>37.593.808</u>	<u>88.192</u>
Vay dài hạn (Thuyết minh số 20.4)			
HAG	Vay	751.484.050	67.803.134
Khách sạn HAGL	Vay	5.000.000	5.000.000
Thẻ thao LPBank HAGL	Vay	<u>-</u>	<u>8.750.000</u>
		756.484.050	81.553.134

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng thành viên ("HĐTV") và Ban Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Mơ	Chủ tịch HĐQT	36.000	36.000
Bà Lê Thị Liễu	Thành viên	24.000	24.000
Ông Thủy Ngọc Dũng	Thành viên	24.000	24.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc	-	-
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc	516.696	516.998
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc	-	-
TỔNG CỘNG		600.696	600.998

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê các lô đất khác nhau tại Lào để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.063.799	551.516
Từ 1 đến 5 năm	7.641.156	2.288.897
Trên 5 năm	5.845.439	12.690.789
TỔNG CỘNG	15.550.394	15.531.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	4.174.534.418	1.633.601.382
- Đô la Mỹ (USD)	590.628	211.674

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

31.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

31.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng	1.167.158.544	1.727.966.004	-	2.895.124.548
Giữa các bộ phận	928.073.587	31.490.937	(959.564.524)	-
Tổng cộng	2.095.232.131	1.759.456.941	(959.564.524)	2.895.124.548
Kết quả của bộ phận				
Chi phí không phân bổ	35.761.085	850.372.553	-	886.133.638
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				964.553.473
Thu nhập tài chính				101.854.814
Chi phí tài chính				(364.086.439)
Lợi nhuận trước thuế				702.321.848
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				702.321.848
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	2.778.648.629	3.227.511.452	-	6.006.160.081
Tiền				10.419.898
Tổng tài sản				6.016.579.979
Nợ phải trả của bộ phận				4.503.727.756
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.348.000.001	2.155.727.755	-	-
Tổng nợ phải trả				4.503.727.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

31.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng	1.347.428.687	2.695.779.079	-	4.043.207.766
Giữa các bộ phận	1.157.916.949	88.759.611	(1.246.676.560)	-
Tổng cộng	2.505.345.636	2.784.538.690	(1.246.676.560)	4.043.207.766
Kết quả của bộ phận	88.440.191	1.394.024.360	-	1.482.464.551
Chi phí không phân bổ				(524.035.842)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				958.428.709
Thu nhập tài chính				169.081.795
Chi phí tài chính				(275.974.662)
Lợi nhuận trước thuế				851.535.842
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(884.809)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				850.651.033
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	2.813.786.415	4.668.250.347	-	7.482.036.762
Tiền				132.158.684
Tổng tài sản				7.614.195.446
Nợ phải trả của bộ phận				5.193.857.583
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.583.537.114	2.610.320.469	-	-
Tổng nợ phải trả				5.193.857.583



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

31.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	827.029.970	606.337.826	1.461.756.752	2.895.124.548
Chi phí hình thành tài sản cố định	278.990	145.073.564	-	145.352.554
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	2.778.648.629	3.227.511.452	-	6.006.160.081
Tiền				10.419.898
Tổng tài sản				6.016.579.979
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.471.813.823	769.217.635	802.176.308	4.043.207.766
Chi phí hình thành tài sản cố định	36.000	408.364.161	-	408.400.161
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	2.813.786.415	4.668.250.347	-	7.482.036.762
Tiền				132.158.684
Tổng tài sản				7.614.195.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Bửu Kiều
Người lập



Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 7 năm 2025